

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/KDTM-ST

Ngày: 18-6-2025

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng
và xử lý tài sản thế chấp*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Trứ

Ông Lê Văn Đô

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quyền- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: ông Vũ Đình Ước - Kiểm sát viên.

Ngày 18/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 24/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2025/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2025/QĐST-KDTM ngày 26/5/2025 giữa các đương sự:

***Ngân hàng TMCP V (V1).**

Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng B - chức danh: Trưởng phòng xử lý nợ phản ứng nhanh khách hàng cá nhân - Trung tâm thu hồi nợ KHCN theo ủy quyền số 38b/2023/UQN -CTQT ngày 01/6/2024 của ông Ngô Chí D

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Lê Trung A và ông Nguyễn Ngọc T - Chuyên viên xử lý nợ theo giấy ủy quyền số 131 ngày 04/4/2025.

(Ông A và ông T đều có đơn xin vắng)

***Người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP V:** Công ty Cổ phần M1 theo Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER ngày 28/3/2025 và Hợp đồng chuyển nhượng số 10/2025/VPB - JUPITER ngày 28/3/2025 và phụ lục kèm theo; Công văn kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng số 32704/2025/CV - XLN-JUPITER ngày 01/4/2025.

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B Phố T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T1- Chức vụ Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Huy M - Chức vụ: Giám đốc trung tâm xử lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Dư Công Hà D1 - Chuyên viên xử lý nợ.
(có mặt)

* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1991 và chị Ngô Thị Q, sinh năm 1994;
(anh T2 có đơn xin vắng mặt)

(Chị Q ủy quyền cho anh T2)

Đều trú tại: Thôn T, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 01 năm 2025, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:

- Buộc anh Nguyễn Văn T2 và chị Ngô Thị Q phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần M1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/6/2025 là: 550.298.936 đồng (Năm trăm năm mươi triệu, hai trăm chín tám nghìn, chín trăm ba sáu đồng) (trong đó, Nợ gốc: 490.242.223 đồng, N lãi và P chậm trả lãi: 60.056.713 đồng), theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2312141236322, kèm theo khế ước nhận nợ ngày 20/12/2023 số tiền 468.000.000 đồng; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ; phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 20/12/2023, số tiền 22.242.223 đồng.

Cụ thể: Ngân hàng TMCP V (số tiền gốc: 23.400.000 đồng; lãi 2.502.345 đồng; Công ty Cổ phần M1 số tiền gốc: 466.842.223 đồng; số tiền lãi: 57.554.369 đồng).

- Yêu cầu anh Nguyễn Văn T2 và chị Ngô Thị Q tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong (các) Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho V1 và Công ty Cổ phần M1.

- Kể từ ngày Bản án Quyết định có hiệu lực pháp luật mà anh Nguyễn Văn T2 và chị Ngô Thị Q không trả nợ đầy đủ cho V1 và Công ty Cổ phần M1, thì V1 và Công ty Cổ phần M1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ, cụ thể như sau: 01 Xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, Biển số đăng ký: 98H-018.86, có số khung: RNHA14SSAMT042231, số máy: 400924D0036879; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát Công an Tỉnh B cấp ngày 05/01/2022. Chi tiết Hợp đồng thế chấp số LN2312141236322 ký ngày 20/12/2023 tại V1 giữa anh Nguyễn Văn T2 và chị Ngô Thị Q và Ngân hàng V1. Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu/sử dụng của anh Nguyễn Văn T2 và chị Ngô Thị Quỳnh. Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết bằng văn bản, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp.

- Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, anh Nguyễn Văn T2 và chị Ngô Thị Q vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 cho đến khi các khoản nợ được tất toán.

- Anh Nguyễn Văn T2 và chị Ngô Thị Q phải chịu án phí và các chi phí liên quan (nếu có)

Tại phiên tòa ông D1 có mặt, giữ nguyên yêu cầu của mình.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn T2 trình bày:

Ngày 20/12/2023, vợ chồng anh có vay Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng cho vay số LN2312141236322 kèm theo khế ước nhận nợ ngày 20/12/2023, số tiền 468.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh buôn bán nước giải khát; và giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ

ngân hàng điện tử ngày 20/12/2023, số tiền 22.242.223 đồng. Khi vay có đảm bảo tài sản thế chấp là 01 Xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, Biển số đăng ký: 98H-018.86, có số khung: RNHA14SSAMT042231, số máy: 400924D0036879; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng C Công an Tỉnh B cấp ngày 05/01/2022. Chi tiết Hợp đồng thế chấp số LN2312141236322 ký ngày 20/12/2023 tại V1 giữa anh Nguyễn Văn T2 và chị Ngô Thị Q và Ngân hàng V1. Anh xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng anh. Anh có giấy phép đăng ký kinh doanh buôn bán nước giải khát.

Trong thời hạn thực hiện hợp đồng, thì vợ chồng anh chưa trả được số tiền gốc và lãi. Nay Ngân hàng V1 và Công ty Cổ phần M1 yêu cầu vợ chồng anh thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/6/2025 là: 550.298.936 đồng (Năm trăm năm mươi triệu, hai trăm chín tám nghìn, chín trăm ba sáu đồng) (trong đó, Nợ gốc: 490.242.223 đồng, N lãi và P chậm trả lãi: 60.056.713 đồng), thì vợ chồng anh đồng ý trả số tiền trên và tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong (các) Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho V1. Trường hợp mà không trả được hoặc không trả đầy đủ số tiền trên thì vợ chồng anh đồng ý xử lý tài sản thế chấp 01 Xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, Biển số đăng ký: 98H-018.86, có số khung: RNHA14SSAMT042231, số máy: 400924D0036879; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng C Công an Tỉnh B cấp ngày 05/01/2022.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, anh Nguyễn Văn T2 và chị Ngô Thị Q vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1, cho đến khi các khoản nợ được tất toán. Vợ chồng anh xin chịu án phí và các chi phí liên quan (nếu có)

Tại phiên toà anh T2 vắng mặt và xin vắng mặt.

*Bị đơn chị Ngô Thị Q nhất trí với ý kiến của anh T2 và uỷ quyền cho anh T2 tham gia tố tụng.

Tại phiên toà chị Q vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 3 Điều 144; Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2-Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27; Điều 37 - Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 116; Điều 117; Điều 299; Điều 304; Điều 307; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 -Bộ luật dân sự;

Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

-Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn T2 và chị Ngô Thị Q có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng V1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/6/2025 là: 550.298.936 đồng (Năm trăm năm mươi triệu, hai trăm chín tám nghìn, chín trăm ba sáu đồng) (trong đó, Nợ gốc: 490.242.223 đồng, N lãi và P chậm trả lãi: 60.056.713 đồng), theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2312141236322, kèm theo khế ước nhận nợ ngày 20/12/2023; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị

kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ; phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 20/12/2023.

Cụ thể: Ngân hàng TMCP V (số tiền gốc: 23.400.000 đồng; lãi : 2.502.345 đồng; Công ty Cổ phần M1 số tiền gốc: 466.842.223 đồng; số tiền lãi: 57.554.369 đồng)

- Kể từ ngày 19/6/2025, anh Nguyễn Văn T2 và chị Ngô Thị Q tiếp tục chịu lãi suất theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến ngày thực tế anh Nguyễn Văn T2 và chị Ngô Thị Q thanh toán hết nợ cho Ngân hàng V1 và Công ty Cổ phần M1.

-Trường hợp anh Nguyễn Văn T2 và chị Ngô Thị Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng V1 và Công ty Cổ phần M1, có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên tài sản thế chấp đối với: 01 Xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, Biển số đăng ký: 98H-018.86, có số khung: RNHA14SSAMT042231, số máy: 400924D0036879; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng C Công an Tỉnh B cấp ngày 05/01/2022 cho anh Nguyễn Văn T2 và chị Ngô Thị Quỳnh .

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ. anh Nguyễn Văn T2 và chị Ngô Thị Q vẫn phải tiếp tục trả nợ cho V1 cho đến khi thực tế trả hết khoản nợ.

Vợ chồng anh Nguyễn Văn T2 và chị Ngô Thị Q phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

- Trả lại Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp

-Tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 20/12/2023, vợ chồng anh T2 có vay Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng cho vay số LN2312141236322 kèm theo khế ước nhận nợ số tiền 468.000.000 đồng. Vợ chồng anh T2 và chị Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 15/10/2024. Ngày 12/02/2025, Ngân hàng nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh T2, chị Q phải trả số tiền nợ là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Tại đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh T2 và chị Q trả số tiền đã cho vay, không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của bị đơn. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đã thụ lý giải vụ án tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp*” theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cung cấp thêm tài liệu giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty TNHH V2. Xét thấy, đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, nên được xác định lại là vụ án Kinh doanh thương mại tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn vắng mặt lần thứ 2 và có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng và nghĩa vụ trả nợ:

Theo lời khai của các bên đương sự đều phù hợp với nội dung: Ngày 20/12/2023, vợ chồng anh T2 có vay Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng cho vay số LN2312141236322, kèm theo khế ước nhận nợ ngày 20/12/2023 số tiền 468.000.000 đồng; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ; phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 20/12/2023 số tiền 22.242.223 đồng. Ngày 28/3/2025, Ngân hàng TMCP V có ký với Công ty Cổ phần M1 theo Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER ngày 28/3/2025 và Hợp đồng chuyển nhượng số 10/2025/VPB - JUPITER ngày 28/3/2025 và phụ lục kèm theo; Công văn kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng số 32704/2025/CV - XLN-JUPITER ngày 01/4/2025. Trong quá trình thực hiện thì vợ chồng anh T2 và chị Q chưa trả được số tiền gốc và lãi nào. Nay vợ chồng anh T2 và chị Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/10/2024 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Tạm tính đến ngày 18/6/2025, tổng số tiền là: 550.298.936 đồng (Năm trăm năm mươi triệu, hai trăm chín tám nghìn, chín trăm ba sáu đồng); (trong đó, N gốc: 490.242.223 đồng, N lãi và P chậm trả lãi: 60.056.713 đồng), theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2312141236322, kèm theo khế ước nhận nợ ngày 20/12/2023 số tiền 468.000.000 đồng; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ; phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 20/12/2023 số tiền 22.242.223 đồng.

Cụ thể: Ngân hàng TMCP V (số tiền gốc: 23.400.000 đồng; lãi : 2.502.345 đồng; Công ty Cổ phần M1 số tiền gốc: 466.842.223 đồng; số tiền lãi: 57.554.369 đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng anh T2 và chị Q đồng ý trả nợ số tiền trên và đồng ý xử lý tài sản thế chấp nếu trường hợp không trả được nợ. Nay Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh T2 và chị Q phải trả số tiền trên và tiếp tục chịu lãi theo Hợp đồng cho vay hạn mức là có căn cứ.

[2.2] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo khoản vay, các bên có ký hợp đồng thế chấp đối với 01 Xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, Biển số đăng ký: 98H-018.86, có số khung: RNHA14SSAMT042231, số máy: 400924D0036879; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng C Công an Tỉnh B cấp ngày 05/01/2022 cho anh Nguyễn Văn T2 và chị Ngô Thị Quỳnh . Trường hợp, vợ chồng anh T2 và chị Q không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án/cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê biên, bán phát mại tài sản.

Hội đồng xét xử xét thấy: Về hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp Hợp đồng thế chấp tài sản số LN 2312141236322 ngày 20/12/2023, thì thấy các bên giao kết hợp đồng là tự nguyện. Nội dung trong các Hợp đồng thế chấp đều thể hiện bên thế chấp đồng ý thế chấp cho bên Ngân hàng tài sản để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên vay theo Hợp đồng tín dụng. Đến nay, vợ chồng anh T2 và chị Q đã vi phạm

nghĩa vụ trả nợ. Do vợ chồng anh T2 và chị Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo thời gian trả nợ, nên Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 có quyền thu hồi nợ, đồng thời xử lý tài sản thế chấp. Trong quá trình giải quyết vợ chồng anh T2 và chị Q cũng đồng ý xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp không trả được nợ.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1, nếu trường hợp vợ chồng anh T2 và chị Q không trả được nợ thì xử lý tài sản thế chấp đối với tài sản nêu trên.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do các đương sự không yêu cầu xem xét, thẩm định, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 được chấp nhận, nên vợ chồng anh T2 và chị Q phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

Ngân hàng TMCP V được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 3 Điều 144; Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2-Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27; Điều 37 - Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 116; Điều 117; Điều 299; Điều 304; Điều 307; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 -Bộ luật dân sự;

Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

-Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn T2 và chị Ngô Thị Q có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/6/2025 là: 550.298.936 đồng (Năm trăm năm mươi triệu, hai trăm chín tám nghìn, chín trăm ba sáu đồng) (trong đó, Nợ gốc: 490.242.223 đồng, N lãi và P chậm trả lãi: 60.056.713 đồng), theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2312141236322, kèm theo khế ước nhận nợ ngày 20/12/2023; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ; phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 20/12/2023.

Cụ thể: Ngân hàng TMCP V (số tiền gốc: 23.400.000 đồng; lãi : 2.502.345 đồng; Công ty Cổ phần M1 số tiền gốc: 466.842.223 đồng; số tiền lãi: 57.554.369 đồng)

Kể từ ngày 19/6/2025, anh Nguyễn Văn T2 và chị Ngô Thị Q tiếp tục chịu lãi suất theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến ngày thực tế anh Nguyễn Văn T2 và chị Ngô Thị Q thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1.

2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp anh Nguyễn Văn T2 và chị Ngô Thị Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên tài sản thế chấp đối với: 01 Xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, Biển số đăng ký: 98H-018.86, có số khung: RNHA14SSAMT042231, số máy: 400924D0036879; Giấy chứng nhận

đăng ký xe ô tô do Phòng C Công an Tỉnh B cấp ngày 05/01/2022 cho anh Nguyễn Văn T2 và chị Ngô Thị Quỳnh .

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, anh Nguyễn Văn T2 và chị Ngô Thị Q vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 cho đến khi thực tế trả hết khoản nợ.

3. Về án phí Kinh doanh thương mại:

-Vợ chồng anh Nguyễn Văn T2 và chị Ngô Thị Q phải có nghĩa vụ liên đới phải chịu 26.011.957 đồng (Hai sáu triệu, không trăm mười một nghìn, chín trăm năm bảy đồng)

-Trả lại Ngân hàng TMCP V số tiền 12.180.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004451 ngày 19/2/2025, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sứ